TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1670/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1806/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Hương G, sinh ngày 12/3/1975.

Căn cước công dân số 001175041170 cấp ngày 27/11/2021.

Địa chỉ: 7 chung cư G N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Viết D, sinh ngày 10/9/1972.

Căn cước công dân số 052072012881 cấp ngày 27/11/2021.

Địa chỉ: 7 chung cư G N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Hương G và ông Nguyễn Viết D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01.2002 ngày 17 tháng 5 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận P (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Hương G và ông Nguyễn Viết D.

2.2 Về con chung: Bà Lê Hương G và ông Nguyễn Viết D có ba con chung tên Nguyễn Lê Hoàng Q, sinh ngày 01/5/2003 (đã thành niên); Nguyễn Lê Hoàng V, sinh ngày 14/01/2006 (đã thành niên) và Nguyễn Lê Vân K, sinh ngày 06/4/2012.

Sau khi ly hôn, bà Lê Hương G và ông Nguyễn Viết D thỏa thuận giao con chung Nguyễn Lê Vân K cho bà Lê Hương G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Lê Vân K đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Viết D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Vân K số tiền 16.000.000 đồng/tháng (mỗi tháng mười sáu triệu đồng) đến khi Nguyễn Lê Vân K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Bà Lê Hương G và ông Nguyễn Viết D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2.4 Về nợ chung: Bà Lê Hương G và ông Nguyễn Viết D xác nhận không có nợ chung.

2.5 Về án phí hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm, năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 (một trăm, năm mươi nghìn đồng) bà Lê Hương G tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) mà bà Lê Hương G đã nộp theo biên lai thu số 0020487 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 5 - TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND phường Cầu Kiệu, TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Thị Ngọc Mỹ